



## BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC TẠI CÁC VỊ TRÍ LẤY MẪU DI ĐỘNG ĐỢT 1

1. **Nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong Hệ thống CTTL Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
2. **Ngày quan trắc:** 13/04/2022
3. **Ngày cung cấp thông tin:** 20/04/2022
4. **Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 05 điểm
5. **Đơn vị thực hiện:** Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường
6. **Người cung cấp thông tin:** ThS. Vũ Quốc Chính - Chủ nhiệm nhiệm vụ
7. **Đơn vị nhận thông tin:** Tổng cục Thủy lợi và các đơn vị khai thác CTTL trong vùng

### I. KẾT QUẢ QUAN TRẮC CLN TRONG HỆ THỐNG CTTL BẮC HƯNG HẢI TẠI CÁC VỊ TRÍ LẤY MẪU DI ĐỘNG (ĐỢT 1)

**Bảng 1. Kết quả phân tích chất lượng nước trong hệ thống CTTL Bắc Hưng Hải và chỉ số chất lượng nước WQI tại các vị trí lấy mẫu di động (đợt 1)**

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Nhiệt độ (°C)	pH (-)	DO (mg/l)	TSS (mg/l)	BOD <sub>5</sub> (mg/l)	COD (mg/l)	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (mg/l)	NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> (mg/l)	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> (mg/l)	Coliform (MPN/100ml)	Pb (ppb)	Cd (ppb)	WQI
1	BHH-DD1	TB Cầu Sộp	23,6	7,33	3,7	33,13	19,2	47,5	7,28	0,02	<0,01	17.000	4,72	2,54	31
2	BHH-DD2	Cầu Ghẽ	24,2	7,39	4,1	26,63	19,2	47,5	5,04	0,03	0,24	23.000	6,28	1,61	29
3	BHH-DD3	Cống Hà Chợ	23,9	7,2	2,1	40,52	9,3	22,7	5,04	0,02	0,14	11.000	5,92	1,43	33
4	BHH-DD4	Cầu Dầm	24,6	7,76	3,2	18,85	14,6	31	1,4	0,01	0,16	2.300	2,07	1,78	70
5	BHH-DD5	TB Đò Ne	25,2	7,79	3,1	19,69	23,7	55,7	1,68	0,03	0,36	9.000	2,12	2,31	40
<b>QCVN08-MT:2015/BTNMT A1</b>			-	<b>6,0-8,0</b>	<b>≥6</b>	<b>20</b>	<b>4</b>	<b>10</b>	<b>0,3</b>	<b>0,05</b>	<b>0,1</b>	<b>2.500</b>	<b>20</b>	<b>5</b>	-
<b>QCVN08-MT:2015/BTNMT B1</b>			-	<b>5,5-9,0</b>	<b>≥4</b>	<b>50</b>	<b>15</b>	<b>30</b>	<b>0,9</b>	<b>0,05</b>	<b>0,3</b>	<b>7.500</b>	<b>50</b>	<b>10</b>	-

*Ghi chú: WQI tính theo quyết định 1460/QĐ-TCMT, ngày 12/11/2019 của Tổng cục Môi trường; áp dụng đối với trường hợp thủy vực cần chú ý đến vấn đề ô nhiễm hữu cơ (nhóm V)*

## II. ĐÁNH GIÁ CLN TRONG HỆ THỐNG CTTL BẮC HƯNG HẢI THEO CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC VN\_WQI TẠI CÁC VỊ TRÍ LẤY MẪU DI ĐỘNG (ĐỢT 1)

**Bảng 2. Đánh giá CLN theo chỉ số chất lượng nước VN\_WQI tại các vị trí lấy mẫu di động (đợt 1)**

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	VN_WQI	Đánh giá chất lượng nước	Màu thể hiện	Khuyến cáo sử dụng
1	BHH-DD1	TB Cầu Sộp	31	Xấu	Da cam	- Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN; - Không nên sử dụng cho cấp nước sinh hoạt và NTTS.
2	BHH-DD2	Cầu Ghẽ	29	Xấu	Da cam	- Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN; - Không nên sử dụng cho cấp nước sinh hoạt và NTTS.
3	BHH-DD3	Cống Hà Chợ	33	Xấu	Da cam	- Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN; - Không nên sử dụng cho cấp nước sinh hoạt và NTTS.
4	BHH-DD4	Cầu Dầm	70	Trung bình	Vàng	- Sử dụng được cho mục đích tưới, tiêu phục vụ SXNN - Có thể sử dụng cho NTTS nhưng cần phải được xử lý bằng các ao lắng và xử lý bằng thực vật trước khi cấp nước vào các ao NTTS
5	BHH-DD5	TB Đò Neo	40	Xấu	Da cam	- Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN; - Không nên sử dụng cho cấp nước sinh hoạt và NTTS.

*Ghi chú: Đánh giá theo quyết định 1460/QĐ-TCMT, ngày 12/11/2019 của Tổng cục Môi trường.*

## III. ĐÁNH GIÁ CLN TRONG HỆ THỐNG CTTL BẮC HƯNG HẢI THEO CHỈ TIÊU HÓA LÝ VÀ VI SINH TẠI CÁC VỊ TRÍ LẤY MẪU DI ĐỘNG (ĐỢT 1)

**Bảng 3. Đánh giá CLN trong hệ thống CTTL Bắc Hưng Hải tại các vị trí quan trắc mẫu di động theo chỉ tiêu hóa lý và vi sinh (đợt 1)**

TT	KH mẫu	Hệ thống/trạm đo	Mục đích giám sát	Số chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột A1	Số chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
1	BHH-DD1	TB Cầu Sộp	- Kiểm tra nước sông Trung Thủy Nông cấp cho SXNN và NTTS huyện Bình Giang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. - Nguồn nước bị ảnh hưởng nước tiêu khu Bình Giang.	6 chỉ tiêu: + DO dưới 1,62 lần; + TSS: 1,66 lần; + BOD <sub>5</sub> : 4,80 lần; + COD: 4,75 lần; <b>+ NH<sub>4</sub><sup>+</sup>: 24,27 lần;</b>	5 chỉ tiêu: + DO dưới 1,08 lần; + BOD <sub>5</sub> : 1,28 lần; + COD: 1,58 lần; <b>+ NH<sub>4</sub><sup>+</sup>: 8,09 lần;</b> + Coliform: 2,27 lần.	- Nước bị ÔN nghiêm trọng đối với SXNN; ÔN đặc biệt nghiêm trọng và NTTS. - Có thể lấy nước phục vụ SXNN. Khi sử dụng nên giảm lượng đạm bón cho cây trồng.

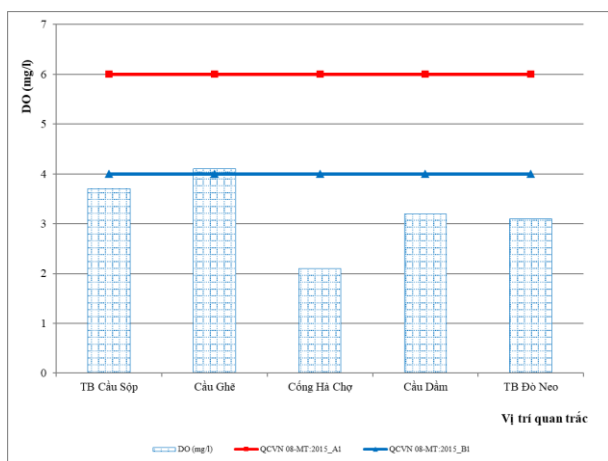
TT	KH mẫu	Hệ thống/ trạm đo	Mục đích giám sát	Số chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột A1	Số chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
				+ Coliform: 6,80 lần.		- Không nên sử dụng nước cho NTTS.
2	BHH- ĐĐ2	Cầu Ghẽ	- Kiểm tra nước sông Trảng Kỳ cấp cho SXNN và NTTS huyện Cẩm Giàng (Hải Dương), Lương Tài, Gia Bình (Bắc Ninh) qua TB Ngọc Quan. - Nguồn nước bị ảnh hưởng nước tiêu huyện Cẩm Giàng.	7 chỉ tiêu: + DO dưới 1,46 lần; + TSS: 1,33 lần; + BOD <sub>5</sub> : 4,80 lần; + COD: 4,75 lần; + NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> : 16,80 lần; + PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> : 2,40 lần; + Coliform: 9,20 lần.	4 chỉ tiêu: + BOD <sub>5</sub> : 1,28 lần; + COD: 1,58 lần; + NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> : 5,60 lần; + Coliform: 3,07 lần.	- Nước bị ÔN nghiêm trọng đối với SXNN; ÔN đặc biệt nghiêm trọng và NTTS. - Có thể lấy nước phục vụ SXNN. Khi sử dụng nên giảm lượng đạm bón cho cây trồng. - Không nên sử dụng nước cho NTTS.
3	BHH- ĐĐ3	Cổng Hà Chợ	- Kiểm tra nước kênh Phú Hà cấp cho SXNN và NTTS huyện Bình Giang, Thanh Miện (Hải Dương); huyện Ân Thi (Hưng Yên). - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải huyện Bình Giang.	7 chỉ tiêu: + DO dưới 2,86 lần; + TSS: 2,03 lần; + BOD <sub>5</sub> : 2,33 lần; + COD: 2,27 lần; + NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> : 16,80 lần; + PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> : 1,40 lần; + Coliform: 4,40 lần.	3 chỉ tiêu: + DO dưới 1,90 lần; + NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> : 5,60 lần; + Coliform: 1,47 lần.	- Nước bị ÔN nghiêm trọng đối với SXNN; ÔN đặc biệt nghiêm trọng và NTTS. - Có thể lấy nước phục vụ SXNN. Khi sử dụng nên giảm lượng đạm bón cho cây trồng. - Không nên sử dụng nước cho NTTS.
4	BHH- ĐĐ4	Cầu Dầm	- Kiểm tra nước cuối kênh Đại Phú Giang cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Ninh Giang (Hải Dương) - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải nông nghiệp và NTTS huyện Ninh Giang.	5 chỉ tiêu: + DO dưới 1,88 lần; + BOD <sub>5</sub> : 3,65 lần; + COD: 3,10 lần; + NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> : 4,67 lần; + PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> : 1,60 lần;	3 chỉ tiêu: + DO dưới 1,25 lần; + COD: 1,03 lần; + NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> : 1,56 lần;	- Nước bị ÔN nhẹ đối với cả SXNN và NTTS. - Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ cho SXNN. - Sử dụng được cho NTTS. Nhưng khi sử dụng cần xử lý nước qua các ao lắng và xử lý bằng thực vật trước khi cấp cho ao nuôi.
5	BHH- ĐĐ5	TB Đò Neo	- Kiểm tra nước kênh Bá Liễu – Trại Vực cấp cho SXNN và	6 chỉ tiêu: + DO dưới 1,94 lần;	6 chỉ tiêu: + DO dưới 1,29 lần;	- Nước bị ÔN nhẹ đối với SXNN; ÔN nghiêm trọng đối

TT	KH mẫu	Hệ thống/ trạm đo	Mục đích giám sát	Số chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột A1	Số chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
			NTTS khu vực huyện Tứ Kỳ (Hải Dương) - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải SH và công nghiệp khu vực phường Hải Tân (TP Hải Dương)	+ BOD <sub>5</sub> : 5,93 lần; + COD: 5,57 lần; + NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> : 5,60 lần; + PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> : 3,60 lần; + Coliform: 3,60 lần.	+ BOD <sub>5</sub> : 1,58 lần; + COD: 1,86 lần; + NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> : 1,87 lần; + PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> : 1,20 lần; + Coliform: 1,20 lần.	với NTTS. - Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ cho SXNN. - Hạn chế sử dụng nước cho NTTS. khi sử dụng cần xử lý nước qua các ao lắng và xử lý bằng thực vật trước khi cấp cho ao nuôi.

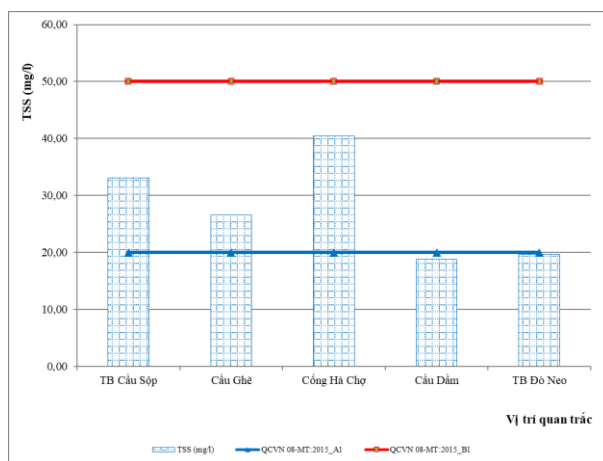
**Ghi chú:** QCVN08-MT:2015/BTNMT cột A1- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột A1 - Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1 và B2.
- Cột B1- Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2;

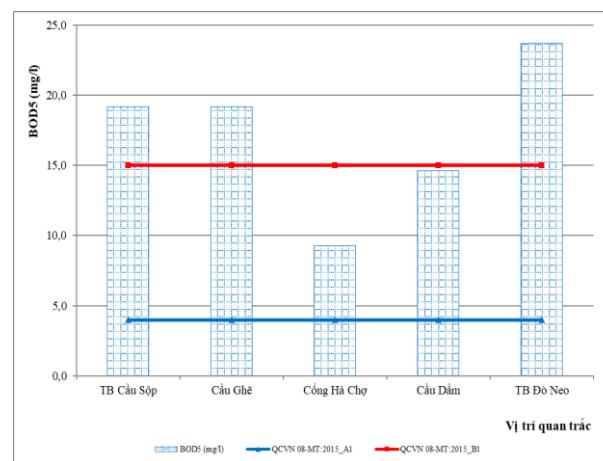
Diễn biến chất lượng nước trong hệ thống theo các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh và WQI mẫu đi động đợt quan trắc ngày 13/4/2022 được thể hiện tại các **hình 2.1 – 2.9**



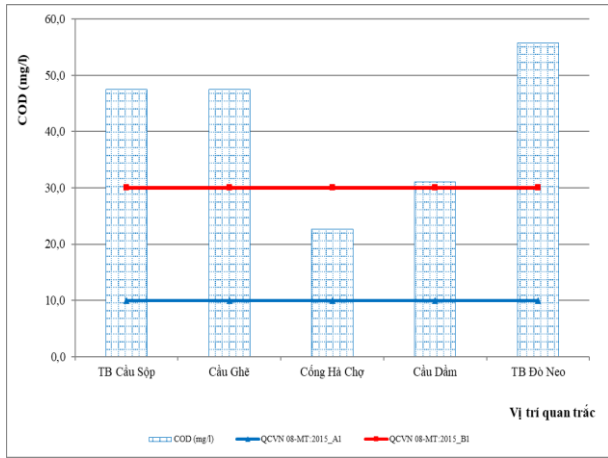
Hình 2.1. Diễn biến hàm lượng DO mẫu đi động đợt quan trắc ngày 13/4/2022



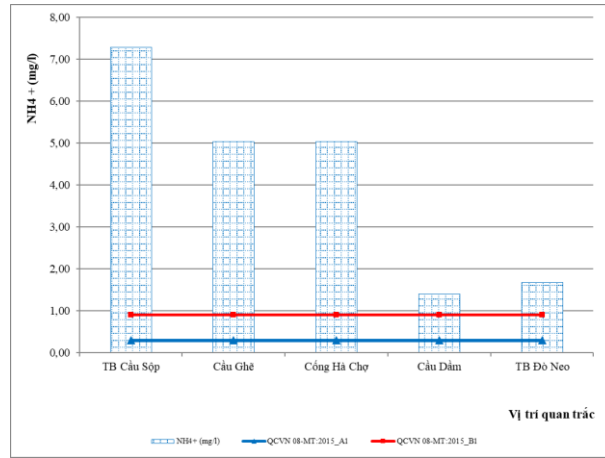
Hình 2.2. Diễn biến hàm lượng TSS mẫu đi động đợt quan trắc ngày 13/4/2022



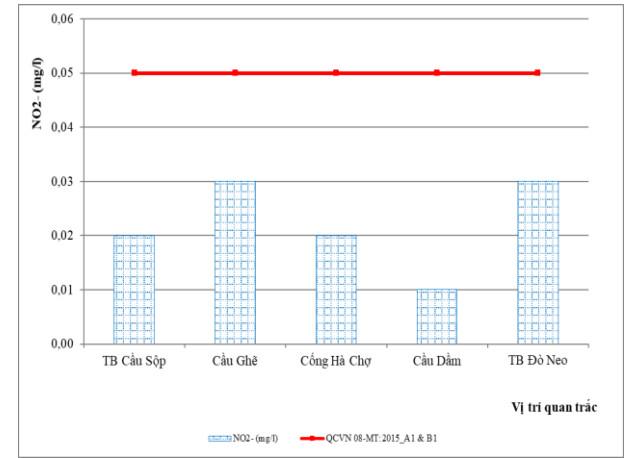
Hình 2.3. Diễn biến hàm lượng BOD<sub>5</sub> mẫu đi động đợt quan trắc ngày 13/4/2022



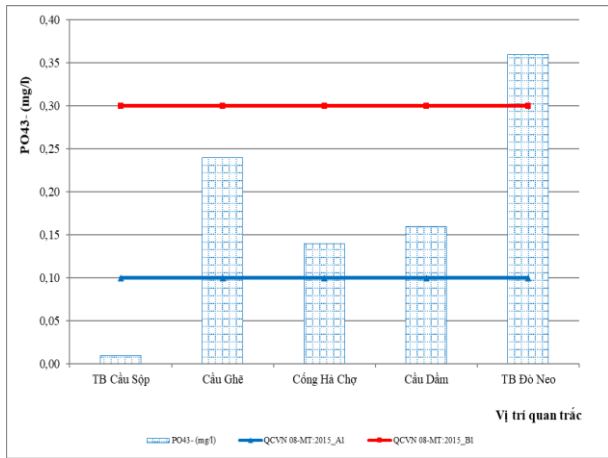
Hình 2.4. Diễn biến hàm lượng COD mẫu di động đợt quan trắc ngày 13/4/2022



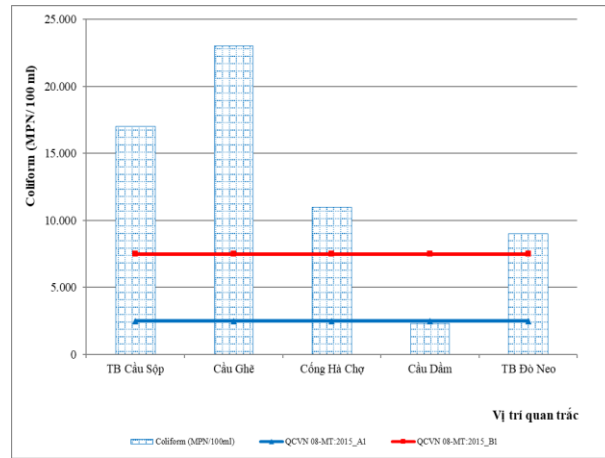
Hình 2.5. Diễn biến hàm lượng NH<sub>4</sub><sup>+</sup> mẫu di động đợt quan trắc ngày 13/4/2022



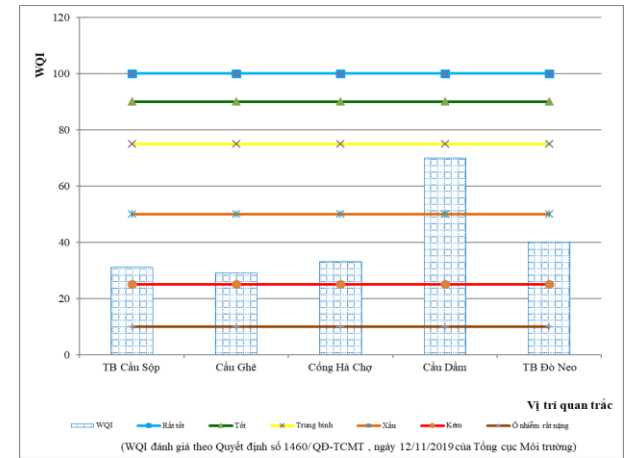
Hình 2.6. Diễn biến hàm lượng NO<sub>2</sub><sup>-</sup> mẫu di động đợt quan trắc ngày 13/4/2022



Hình 2.7. Diễn biến hàm lượng PO<sub>4</sub><sup>3-</sup> mẫu di động đợt quan trắc ngày 13/4/2022



Hình 2.8. Diễn biến hàm lượng Coliform mẫu di động đợt quan trắc ngày 13/4/2022



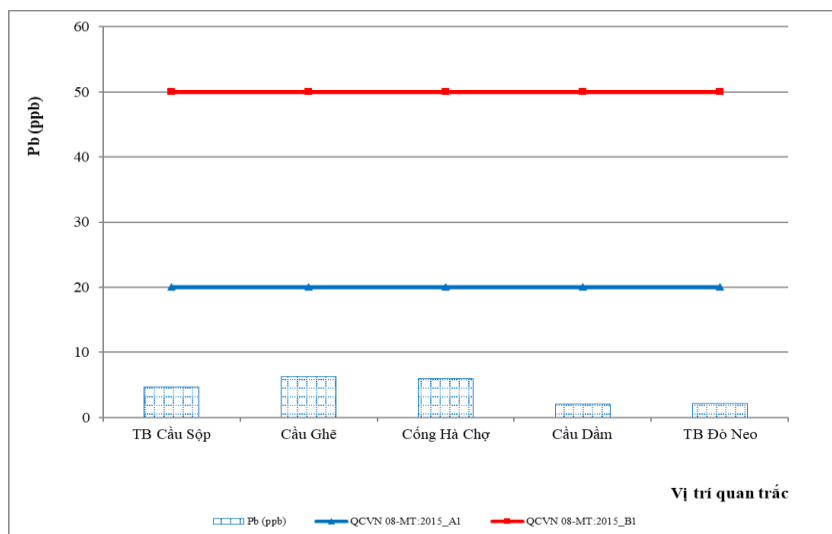
Hình 2.9. Diễn biến chỉ số WQI mẫu di động đợt quan trắc ngày 13/4/2022

#### IV. ĐÁNH GIÁ CLN TRONG HỆ THỐNG CTTL BẮC HƯNG HẢI THEO CHỈ TIÊU KIM LOẠI NẶNG TẠI CÁC VỊ TRÍ LẤY MẪU DI ĐỘNG (ĐỢT 1)

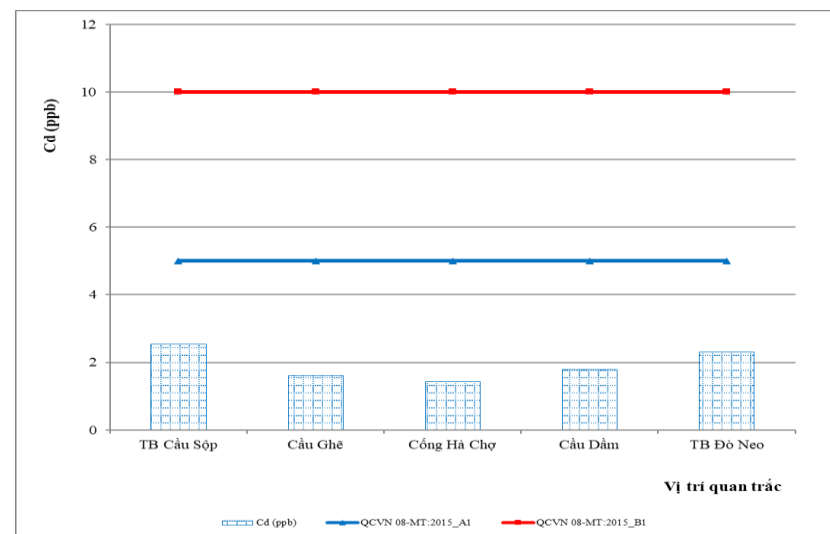
**Bảng 4. Đánh giá CLN trong hệ thống CTTL Bắc Hưng Hải tại các vị trí quan trắc mẫu di động theo hàm lượng các kim loại nặng (đợt 1)**

TT	KH mẫu	Vị trí lấy mẫu	Hàm lượng KLN		Đánh giá CLN theo KLN			
			Pb (ppb)	Cd (ppb)	QCVN 08:2015 cột A1		QCVN 08:2015 cột B1	
					Pb	Cd	Pb	Cd
1	BHH-DĐ1	TB Cầu Sộp (tươi tiêu kết hợp)	4,72	2,54	Đạt TCCP	Đạt TCCP	Đạt TCCP	Đạt TCCP
2	BHH-DĐ2	Cầu Ghê (tươi tiêu kết hợp)	6,28	1,61	Đạt TCCP	Đạt TCCP	Đạt TCCP	Đạt TCCP
3	BHH-DĐ3	Cống Hà Chợ (tươi tiêu kết hợp)	5,92	1,43	Đạt TCCP	Đạt TCCP	Đạt TCCP	Đạt TCCP
4	BHH-DĐ4	Cầu Dầm (tươi tiêu kết hợp)	2,07	1,78	Đạt TCCP	Đạt TCCP	Đạt TCCP	Đạt TCCP
5	BHH-DĐ5	TB Đò Neo (tươi tiêu kết hợp)	2,12	2,31	Đạt TCCP	Đạt TCCP	Đạt TCCP	Đạt TCCP
<b>QCVN08-MT:2015/BTNMT A1</b>			<b>20</b>	<b>5</b>	-	-	-	-
<b>QCVN08-MT:2015/BTNMT B1</b>			<b>50</b>	<b>10</b>	-	-	-	-

Diễn biến chất lượng nước trong hệ thống theo các chỉ tiêu kim loại nặng Pb và Cd mẫu di động đợt quan trắc ngày 13/4/2022 được thể hiện tại các **hình 2.10 – 2.11**



Hình 2.10. Diễn biến hàm lượng Pb mẫu di động đợt quan trắc ngày 13/4/2022



Hình 2.11. Diễn biến hàm lượng Cd mẫu di động đợt quan trắc ngày 13/4/2022